

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO GIÁO VIÊN

Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Ngành đào tạo: Giáo dục Mầm non

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

(Áp dụng cho hệ cao đẳng tuyển sinh từ năm 2023)

1. Thông tin về giảng viên tham gia giảng dạy học phần

TT	Họ tên giảng viên	Học hàm/Học vị	Số điện thoại	Email	Đơn vị công tác	Địa điểm làm việc
1	Nguyễn T. Phúc Oanh	Thạc sĩ	0984112509	Nguyenphucoanh09@gmail.com	Khoa Nhạc - Hoạ - TD -QPAN	VPK Nhạc - Hoạ - TD -QPAN
2	Vũ Thị Loan	Thạc sĩ	0986107007	hloancdspbacninh@gmail.com	Khoa Nhạc - Hoạ - TD -QPAN	VPK Nhạc - Hoạ - TD -QPAN
3	Trương T. Hồng My	Thạc sĩ	0912404748	hongmycdspbn@gmail.com	Khoa Nhạc - Hoạ - TD -QPAN	VPK Nhạc - Hoạ - TD -QPAN
4	Nguyễn Quốc Tuấn	Thạc sĩ	0919585439	tuannpcdspbn@gmail.com	P. Hành chính - QT	P. Hành chính - QT
5	Ngô Khánh Quân	Cử nhân	0365964168		Khoa Nhạc - Hoạ - TD -QPAN	VPK Nhạc - Hoạ - TD -QPAN

2. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: MĨ THUẬT VÀ ĐỒ CHƠI TRẺ EM

- Mã học phần: MT.MN.CS.01 - Số tín chỉ: 3

- Chuyên ngành đào tạo: Giáo dục Mầm non - Bậc đào tạo: Cao đẳng - Hình thức đào tạo: Chính quy/VLVH/Liên thông

- Các học phần tiên quyết: Không

- Phân bổ giờ tín chỉ đối với các hoạt động:

+ Lí thuyết: 30+Thực hành: 30+ Sinh viên tự học: 90

- Khoa/Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Mỹ thuật, Khoa Nhạc - Họa - Thể dục - QPAN.

3. Mục tiêu của học phần

Học xong học phần này, sinh viên cần đạt được những mục tiêu sau:

3.1. Kiến thức:

- Trang bị cho sinh viên những kiến thức lí luận chung về: Nghệ thuật tạo hình; Màu sắc; Luật xa gần; Tỷ lệ người; Phương pháp vẽ theo mẫu, vẽ trang trí, vẽ tranh đề tài, phóng tranh và vẽ tranh minh họa.

- Nắm được những kiến thức lí luận cơ bản về đồ chơi như: Khái niệm, đặc điểm, ý nghĩa, phân loại, nguyên tắc làm đồ chơi, nguyên liệu, quy trình và kỹ thuật làm đồ chơi từ các nguyên vật liệu khác nhau.

3.2. Kỹ năng:

- Hình thành và rèn luyện các kỹ năng cơ bản của mỹ thuật như: Kỹ năng pha và sử dụng màu, vẽ hình, phác hình, vẽ đậm nhạt, bố cục,...sinh viên thể hiện được các bài vẽ theo mẫu, vẽ trang trí, vẽ tranh đề tài, phóng tranh và vẽ tranh minh họa trong chương trình học.

- Trang bị một số kỹ năng, kỹ thuật làm một số sản phẩm đồ dùng, đồ chơi từ các nguyên vật liệu khác nhau phục vụ các hoạt động học tập, vui chơi của trẻ mầm non.

- Biết phối hợp các kỹ năng, kỹ thuật, nguyên vật liệu khác nhau để tạo hiệu quả thẩm mỹ cho các sản phẩm mỹ thuật và đồ dùng, đồ chơi.

3.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- NL1: Có khả năng độc lập hoặc theo nhóm, giải quyết các nhiệm vụ học tập được giao; Chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; Đánh giá chất lượng và kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của các thành viên.

- NL2: Có ý thức, trách nhiệm, thực hiện đầy đủ nội dung các bài tập của chương trình; Chuẩn bị đầy đủ đồ dùng và nguyên liệu học tập; Có ý thức sưu tầm, bảo vệ cái đẹp và sáng tạo ra cái đẹp.

- NL3: Có năng lực vận dụng các kiến thức mỹ thuật và làm đồ chơi để làm một số sản phẩm mỹ thuật, đồ dùng, đồ chơi trong chương trình học.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

4.1. Về kiến thức

- KT1: Sinh viên có được những kiến thức lí luận cơ bản về mỹ thuật và đồ chơi trẻ em; Có nhận thức thẩm mỹ, nắm chắc phương pháp tiến hành các bài vẽ, cách làm đồ dùng dạy học và đồ chơi trẻ em.

- KT2: Nắm chắc quy trình tổ chức các thể loại trong giờ tạo hình, giáo dục thẩm mỹ cho trẻ mầm non. Biết phân tích, đánh giá, nhận xét được sản phẩm tạo hình, đồ dùng dạy học và đồ chơi trong trường mầm non.

4.2. Về kỹ năng

4.2.1. Về kỹ năng cứng (KNC)

- KNC1: Có các kỹ năng về mỹ thuật như: Vẽ hình, bố cục, vẽ đậm nhạt... Thành thạo các kỹ thuật xử lí, lựa chọn vật liệu trong làm đồ dùng dạy học và đồ chơi cho trẻ mầm non.
- KNC2: Thích ứng trong môi trường độc lập, chủ động trong giảng dạy tạo hình và làm đồ dùng, đồ chơi của môi trường, đáp ứng nhu cầu công tác chăm sóc, giáo dục trẻ tại các trường mầm non ở địa phương.
- KNC3: Có kỹ năng thiết kế và tổ chức các hoạt động giáo dục tạo hình cho trẻ mầm non.

4.2.2. Về kỹ năng mềm (KNM)

- KNM1: Có khả năng nhận thức thẩm mỹ, khả năng thưởng thức cái đẹp, hiểu biết về giá trị nghệ thuật, biết vận dụng trong giảng dạy và trong cuộc sống. Thể hiện được những năng lực sáng tạo để tạo ra các sản phẩm phù hợp với mục tiêu tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ tại các trường mầm non.
- KNM2: Có kỹ năng tổ chức, sử dụng và tự làm đồ dùng dạy học, sản phẩm đơn giản dùng trong trang trí lớp học, góc hoạt động của trẻ mầm non.
- KNM3: Có khả năng tự học, tự nghiên cứu, tham khảo các nội dung có liên quan để nâng cao chất lượng chuyên môn.

4.3. Về năng lực (NL) tự chủ và trách nhiệm

- NL1: Có năng lực, khả năng độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong việc làm đồ dùng, đồ chơi phục vụ cho hoạt động giảng dạy và vui chơi của trẻ mầm non. Có ý thức sưu tầm, bảo vệ cái đẹp và sáng tạo ra cái đẹp.
- NL2: Nâng cao ý thức trách nhiệm, tích cực, chủ động, sáng tạo trong tự học, tìm tòi, vận dụng kiến thức để làm các sản phẩm đồ dùng, đồ chơi.
- NL3: Có trách nhiệm nghề nghiệp, hỗ trợ và phối hợp với đồng nghiệp để làm được nhiều sản phẩm đồ dùng, đồ chơi cho trẻ ở trường Mầm non.

5. Ma trận liên kết nội dung chương/mục với chuẩn đầu ra học phần

Nội dung học phần		Kiến thức		Kỹ năng					Năng lực (NL) tự chủ và trách nhiệm		
				KNC			KNM				
				KT1	KT2	KN C1	KNC2	KNC3	KNM1	KNM2	KNM3
Phần 1: MỸ THUẬT Chương I: Những lí luận chung về NTTH	Bài 1: Những lí luận chung về nghệ thuật tạo hình	X			X		X		X		X

Chương II: Luật xa gần và tỉ lệ người	Bài 1: Luật xa gần và tỉ lệ người	x	x		x		x		x	x		x
	Bài 2: Thực hành vẽ tỉ lệ người	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x
Chương III: Vẽ theo mẫu	Bài 1: Lí thuyết vẽ theo mẫu	x	x		x	x	x		x	x	x	x
	Bài 2: TH vẽ khối cơ bản	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
Chương IV: Màu sắc và trang trí	Bài 1: Màu sắc và trang trí	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x
	Bài 2: Thực hành vẽ trang trí hình vuông	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
Chương V: Tranh đề tài	Bài 1: Vẽ tranh đề tài	x	x		x	x	x		x	x	x	x
	Bài 2: TH vẽ tranh đề tài về cảnh sinh hoạt ở lớp mẫu giáo lớn.	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
Chương VI: Phóng tranh và vẽ tranh minh hoạ	Bài 1: Phóng tranh và vẽ minh hoạ tranh truyện	x	x		x		x		x	x	x	x
	Bài 2: Thực hành phóng tranh tự chọn trong chương trình MN	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x
Phần 2: ĐỒ CHƠI TRẺ EM Chương I: Những vấn đề chung	Bài: Những vấn đề chung về đồ chơi	x	x		x		x		x	x	x	x
Chương II: Quy trình và kỹ thuật làm đồ chơi bằng các nguyên vật liệu khác nhau	Bài 1: Quy trình và KT làm ĐC	x	x		x		x		x	x	x	x
	Bài 2: Làm đồ chơi từ nguyên liệu giấy bìa	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x
	Bài 3: Làm đồ chơi từ các vật liệu phế liệu	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x
	Bài 4: Làm đồ chơi từ các vật liệu thiên nhiên.	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x
	Bài 5: Làm đồ chơi từ vật liệu vãi theo chủ đề	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x

6. Các yêu cầu của học phần

- Yêu cầu đối với sinh viên:

- + Đọc nghiên cứu, tìm hiểu giáo trình, mạng internet, sách, báo, tài liệu, tranh ảnh có liên quan đến nội dung bài học.
- + Đề xuất các ý kiến khi nghe giảng, trong quá trình làm các bài tập thực hành và tự học.

+ Chuẩn bị đầy đủ nguyên vật liệu và dụng cụ học tập: Bút chì, bút lông, tẩy, com pa, dao, kéo, kim chỉ, búa, đinh, kìm, dùi, hồ dán, keo dán, băng dính...Màu vẽ, giấy Crôki, giấy màu, vải, gỗ, phế vật liệu và vật liệu thiên nhiên...

+ Học và làm đầy đủ các bài tập thực hành trong nội dung chương trình của học phần.

+ Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của môn học, học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong chương trình môn học, học phần

- *Yêu cầu giảng viên:*

+ Chuẩn bị đầy đủ: Thiết kế bài dạy, đồ dùng trực quan, phương tiện dạy học....

7. Nội dung, phương pháp dạy - học

TT số tiết theo CT	Nội dung chi tiết	Phương pháp dạy – học	Giờ giảng dạy trên lớp		Giới sinh viên tự học
			Lí thuyết	Bài tập/ Thực hành/ Thảo luận	
1 2	<p align="center">Phần 1: MĨ THUẬT</p> <p align="center">Chương I: Những lí luận chung về NT tạo hình</p> <p align="center">Bài1: Những lí luận chung về NT tạo hình</p> <p>I. Khái niệm về nghệ thuật tạo hình.</p> <p>II. Ngôn ngữ tạo hình</p> <p>1. Nét</p> <p>2. Khối - hình</p> <p>3. Màu sắc</p> <p>4. Bố cục</p> <p>III. Một số chuyên ngành tạo hình</p> <p>1. Nghệ thuật hội họa</p> <p>2. Nghệ thuật điêu khắc</p> <p>3. Nghệ thuật đồ họa</p> <p>* Tự học của sinh viên:</p> <p>1. Phân biệt sự khác nhau giữa 3 ngành nghệ thuật: Hội họa, điêu khắc và đồ họa.</p> <p>2. Tìm những điểm giống và khác nhau giữa các thể loại</p>	<p>- Phương pháp sử dụng ngôn ngữ (Thuyết trình, đàm thoại, giải thích, giao nhiệm vụ,...)</p> <p>- Phương pháp hợp tác nhóm.</p> <p>- Phương pháp dạy học tích hợp.</p>	2		4

	<p>tranh hội họa.</p> <p>3. Chuẩn bị:giấy Croky, bút chì, tẩy, giáo trình và nghiên cứu, tìm hiểu: Luật xa gần, tỉ lệ người.</p>				
3 4 5	<p style="text-align: center;">Chương II: Luật xa gần và tỉ lệ người</p> <p style="text-align: center;">Bài 1: Luật xa gần và tỉ lệ người</p> <p>I. Luật xa gần</p> <p>1. Khái niệm về luật xa gần</p> <p>2. Đường tầm mắt</p> <p>3. Điểm tụ</p> <p>II. Tỉ lệ người</p> <p>1. Khái niệm về tỉ lệ người</p> <p>2. Giới thiệu khái quát về tỉ lệ người</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tỉ lệ nam giới trưởng thành - Tỉ lệ nữ giới trưởng thành - Tỉ lệ cơ thể theo lứa tuổi <p>* Tự học của sinh viên:</p> <p>1. Tập xác định đường chân trời.</p> <p>2. So sánh sự khác biệt tỉ lệ người lớn và trẻ em.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Phương pháp sử dụng ngôn ngữ (Thuyết trình, đàm thoại, giải thích, giao nhiệm vụ,...) - Phương pháp hợp tác nhóm. - Phương pháp dạy học tích hợp. 	3		6
6 7	<p style="text-align: center;">Bài 2 : Thực hành vẽ tỉ lệ người</p> <p>Yêu cầu thực hiện các bài tập trên giấy Crôki:</p> <p>1. Tỉ lệ nữ giới trưởng thành</p> <p>2. Tỉ lệ cơ thể trẻ em:</p> <p>Hình thức: Sinh viên quan sát hình tỉ lệ người trong giáo trình và vẽ lại trên giấy Croki:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kích thước 30 x 40cm - Chất liệu chì đen. <p>* Tự học của sinh viên:</p> <p>1. Hoàn thiện bài tập vẽ trên giấy Crôki:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tỉ lệ nam giới trưởng thành - Tỉ lệ trẻ em 	<ul style="list-style-type: none"> - Phương pháp sử dụng ngôn ngữ (Thuyết trình, đàm thoại, giải thích, giao nhiệm vụ,...) - Phương pháp quan sát, trực quan, thực hành ôn luyện. 		2	2

	- Tỷ lệ mặt người 2. Nghiên cứu, tìm hiểu về vẽ theo mẫu.				
8 9	<p style="text-align: center;">Chương III : Vẽ theo mẫu Bài 1: Lí thuyết vẽ theo mẫu</p> <p>I. Tìm hiểu khái niệm về vẽ theo mẫu II. Tìm hiểu ngôn ngữ tạo hình trong bài vẽ theo mẫu</p> <p>1. Ngôn ngữ thể hiện 2. Cách đánh giá</p> <p>III. Tìm hiểu một số chất liệu 1. Chì đen 2. Màu bột 3. Màu nước</p> <p>IV. Phương pháp vẽ theo mẫu * Tự học của sinh viên: 1. Vẽ khối cơ bản (khối trụ,...) trên giấy Crôki: - Kích thước giấy: 30cm x 40cm - Chất liệu: Chì đen 2. Chuẩn bị vật liệu vẽ theo mẫu + mẫu khối hộp, khối cầu</p>	- Phương pháp sử dụng ngôn ngữ (Thuyết trình, đàm thoại, giải thích, giao nhiệm vụ,...) - Phương pháp hợp tác nhóm. - Phương pháp dạy học tích hợp.	2		2
10 11 12	<p style="text-align: center;">Bài 2: Thực hành vẽ khối cơ bản</p> <p>Yêu cầu sinh viên vẽ theo mẫu: “Khối hộp và khối cầu” trên giấy Crôki: - Kích thước 30 cm x 40 cm - Chất liệu: Chì đen (2B, 3B) * Tự học của sinh viên: 1. Vẽ khối biến dạng 2 mẫu (lọ hoa, quả...) trên giấy Crôki: - Kích thước: 30cm x 40cm - Chất liệu: Chì đen 2. Tìm hiểu về màu sắc và trang trí.</p>	- Phương pháp sử dụng ngôn ngữ. - Phương pháp quan sát, trực quan, thực hành ôn luyện.		3	2
	<p style="text-align: center;">Chương IV: Màu sắc và trang trí Bài 1: Màu sắc và trang trí</p>	- Phương pháp sử dụng			.

<p>13</p> <p>14</p> <p>15</p>	<p>A. Màu sắc</p> <p>I. Khái niệm màu sắc</p> <p>1. Khái niệm</p> <p>2. Ý nghĩa và tác dụng của màu sắc</p> <p>II. Hệ thống màu sắc</p> <p>1. Màu gốc.</p> <p>2. Màu nhị hợp</p> <p>3. Màu nóng, màu lạnh</p> <p>III. Quan hệ màu sắc</p> <p>1. Màu bổ túc</p> <p>2. Màu tương phản</p> <p>3. Màu đồng sắc</p> <p>IV. Cách sử dụng màu sắc</p> <p>1. Màu dân gian và màu hiện đại</p> <p>2. Cách pha màu</p> <p>3. Giới thiệu một số màu thông dụng</p> <p>B. Trang trí</p> <p>I. Khái niệm trang trí</p> <p>1. Khái niệm - nguồn gốc</p> <p>2. Tác dụng của trang trí</p> <p>II. Các nguyên tắc cơ bản của bố cục trang trí</p> <p>1. Nguyên tắc cân đối, đăng đối</p> <p>2. Nguyên tắc phá thế</p> <p>3. Nguyên tắc xen kẽ</p> <p>4. Nguyên tắc nhắc lại và xoay chiều</p> <p>III. Các bước tiến hành vẽ bài trang trí cơ bản</p> <p>* Tự học của sinh viên:</p> <p>1. Vẽ bảng màu gốc, màu nhị hợp, tìm cặp màu bổ túc.</p> <p>2. Lập bảng hoà sắc nóng và hoà sắc lạnh.</p> <p>3. Tìm, sưu tầm hoạ tiết hoa lá, chim muông, động vật...</p>	<p>ngôn ngữ (Thuyết trình, đàm thoại, giải thích, giao nhiệm vụ,...)</p> <p>- Phương pháp hợp tác nhóm.</p> <p>- Phương pháp dạy học tích hợp.</p>	<p>3</p>		<p>5</p>
-------------------------------	--	--	----------	--	----------

	4. Chuẩn bị dụng cụ, vật liệu vẽ trang trí hình vuông			
16 17 18	<p align="center">Bài 2: Thực hành vẽ trang trí hình vuông</p> <p>*Yêu cầu: Trang trí một hình vuông trên giấy Crôki:</p> <p>- Kích thước hình vuông: Cạnh 20 cm</p> <p>- Hoạ tiết: Tự chọn</p> <p>- Chất liệu: Sáp màu, màu nước, màu dạ....</p> <p>* Tự học của sinh viên:</p> <p>1- Vẽ hoàn thiện bài trang trí hình vuông.</p> <p>2- Chuẩn bị hoạ tiết, dụng cụ và vật liệu cho kiểm tra đánh giá thường xuyên.</p>	- Phương pháp sử dụng ngôn ngữ, quan sát, trực quan, thực hành ôn luyện.	3	3
19	<p>Kiểm tra đánh giá thường xuyên: Vẽ trang trí hình vuông</p> <p>* Tự học của sinh viên:</p> <p>1. Đọc giáo trình, tài liệu tìm hiểu: “Tranh đề tài”</p>	- Phương pháp sử dụng ngôn ngữ	1	1
20 21	<p align="center">Chương V: Tranh đề tài</p> <p align="center">Bài 1: Vẽ tranh đề tài</p> <p>I. Khái niệm về tranh đề tài</p> <p>II. Các dạng bố cục đơn giản</p> <p>1. Bố cục theo phối cảnh ước lệ</p> <p>2. Bố cục phối cảnh xa gần</p> <p>3. Bố cục hình tam giác</p> <p>4. Bố cục hình tròn</p> <p>III. Các yêu cầu</p> <p>1. Mảng chính, mảng phụ</p> <p>2. Trọng tâm</p> <p>IV. Các bước tiến hành</p> <p>1. Tìm hiểu chủ đề</p> <p>2. Bố cục mảng</p> <p>3. Tìm hình tượng</p> <p>4. Phác thảo</p> <p>5. Thể hiện tranh</p>	- Phương pháp sử dụng ngôn ngữ (Thuyết trình, đàm thoại, giải thích, giao nhiệm vụ,...)	2	
		- Phương pháp hợp tác nhóm.		
		- Phương pháp dạy học tích hợp.		

	<p>* Tự học của sinh viên:</p> <p>1. Tham khảo tranh, hình minh họa và vẽ hình về sinh hoạt ở lớp mẫu giáo lớn.</p> <p>2. Chuẩn bị dụng cụ và vật liệu vẽ tranh đề tài</p>				2
22 23 24	<p>Bài 2: Thực hành vẽ tranh đề tài về cảnh sinh hoạt ở lớp mẫu giáo lớn.</p> <p>Yêu cầu: Vẽ tranh đề tài chủ đề vẽ về cảnh sinh hoạt ở lớp mẫu giáo lớn trên giấy Crôki:</p> <p>- Kích thước: Giấy 30cm x 40cm</p> <p>- Chất liệu: Sáp màu, màu nước, màu bột, chì màu....</p> <p>* Tự học của sinh viên:</p> <p>1. Tự học, hoàn thành bài vẽ tranh theo đề tài.</p> <p>2. Thực hành vẽ tranh về chủ đề “Lễ hội” trên giấy Crô ki.</p> <p>3. Đọc, nghiên cứu về phóng tranh, vẽ tranh minh họa.</p>	<p>- Phương pháp sử dụng ngôn ngữ .</p> <p>- Phương pháp quan sát, trực quan, thực hành ôn luyện.</p>		3	3
25 26 27	<p>Chương VI: Phóng tranh và vẽ tranh minh họa</p> <p>Bài 1: Phóng tranh và vẽ minh họa tranh truyện</p> <p>I. Phóng tranh</p> <p>1. Ý nghĩa, tác dụng của phóng tranh</p> <p>2. Các phương pháp phóng tranh</p> <p>3. Cách phóng tranh</p> <p>II. Minh họa tranh truyện</p> <p>1. Khái niệm</p> <p>2. Yêu cầu tranh truyện</p> <p>3. Phương pháp vẽ tranh truyện.</p> <p>* Tự học của sinh viên:</p> <p>1. Tự học, tìm hiểu và chọn tranh đơn giản tập phóng.</p> <p>2. Chuẩn bị nguyên vật liệu, tranh mẫu trong chương trình mầm non để thực hành phóng tranh.</p>	<p>- Phương pháp sử dụng ngôn ngữ (Thuyết trình, đàm thoại, giải thích, giao nhiệm vụ,...)</p> <p>- Phương pháp hợp tác nhóm.</p> <p>- Phương pháp dạy học tích hợp.</p>	3		3

28 29 30	<p>Bài 2: Thực hành phóng tranh tự chọn trong chương trình mầm non</p> <p>Yêu cầu: Phóng một bức tranh tự chọn để làm đồ dùng giảng dạy trong chương trình mầm non.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kích thước: Tự chọn. - Chất liệu: Màu nước, màu sáp... <p>* Tự học của sinh viên:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Hoàn thành bài phóng tranh tự chọn. 2. Mỗi tổ vẽ minh họa tranh truyện dành cho trẻ mầm non (tối thiểu là 02 tranh). 	<ul style="list-style-type: none"> - Phương pháp sử dụng ngôn ngữ . - Phương pháp quan sát, trực quan, thực hành ôn luyện. 	3		3
31 32	<p style="text-align: center;">Phần 2: ĐỒ CHƠI TRẺ EM</p> <p>Chương I: Những vấn đề chung</p> <p>Bài: Những vấn đề chung về đồ chơi</p> <p>I. Khái niệm về đồ chơi.</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Khái niệm 2. Phân loại đồ chơi theo nội dung 3. Sự ra đời của đồ chơi <p>II. Những nguyên tắc làm đồ chơi cho trẻ MN</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Đồ chơi phải đảm bảo tính giáo dục 2. Đồ chơi phải đảm bảo tính khoa học 3. Đồ chơi phải đảm bảo tính dân tộc và hiện đại. 4. Đồ chơi phải đảm bảo tính thực tiễn. 5. Đồ chơi phải đảm bảo tính thẩm mỹ 6. Đồ chơi phải đảm bảo vệ sinh an toàn. <p>* Tự học của sinh viên:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Phân loại đồ chơi theo lứa tuổi mẫu giáo. <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu sinh viên lập bảng liệt kê được các loại đồ chơi trong nhóm đồ chơi cho tuổi mẫu giáo. 2. Đọc, tìm hiểu quy trình và kỹ thuật làm đồ chơi bằng các nguyên vật liệu khác nhau. 	<ul style="list-style-type: none"> - Phương pháp sử dụng ngôn ngữ (Thuyết trình, đàm thoại, giải thích, giao nhiệm vụ,...) - Phương pháp hợp tác nhóm. - Phương pháp dạy học tích hợp. 	2		4

<p>33 34 35</p>	<p>Chương II: Quy trình và kỹ thuật làm đồ chơi bằng các nguyên vật liệu khác nhau Bài 1: Quy trình và kỹ thuật làm đồ chơi</p> <p>I. Yêu cầu về nguyên vật liệu.</p> <p>1. Giấy, bìa 2. Vải 3. Gỗ 4. Phế vật liệu và vật liệu thiên nhiên</p> <p>II. Yêu cầu về dụng cụ để làm đồ chơi.</p> <p>III. Quy trình và kỹ thuật làm đồ chơi</p> <p>* Tự học của sinh viên:</p> <p>1. Tự học, tìm hiểu và làm một sản phẩm đồ chơi từ vật liệu tự chọn.</p> <p>2. Chuẩn bị nguyên vật liệu: Giấy, bìa, vải, gỗ, phế vật liệu và vật liệu thiên nhiên..</p>	<p>- Phương pháp sử dụng ngôn ngữ (Thuyết trình, đàm thoại, giải thích, giao nhiệm vụ,...)</p> <p>- Phương pháp hợp tác nhóm.</p> <p>- Phương pháp dạy học tích hợp.</p>	<p>3</p>		<p>5</p>
<p>36 37 38</p>	<p>Bài 2: Làm đồ chơi từ nguyên liệu giấy bìa</p> <p>A. Lí thuyết</p> <p>I. Làm hoa giấy</p> <p>1. Nguyên liệu, dụng cụ</p> <p>2. Cách làm: (Hoa hồng, hoa cúc, cắm chướng,...).</p> <p>II. Gấp đồ chơi bằng giấy bìa</p> <p>1. Chuẩn bị</p> <p>2. Quy trình thực hiện: (con ếch, con chó, con hạc, hoa...)</p> <p>III. Đan trang trí</p> <p>1. Chuẩn bị</p> <p>2. Quy trình kỹ thuật: (Đan làn, sản phẩm trang trí...)</p> <p>Làm mũ múa từ bìa giấy</p> <p>1. Chuẩn bị nguyên liệu, dụng cụ</p> <p>2. Quy trình thực hiện: (hoa lá, gà trống, mèo, dê...)</p> <p>V. Làm rối dẹt bằng giấy bìa.</p>	<p>- Phương pháp sử dụng ngôn ngữ (Thuyết trình, đàm thoại, giải thích, giao nhiệm vụ,...)</p> <p>- Phương pháp hợp tác nhóm.</p> <p>- Phương pháp dạy học tích hợp.</p>	<p>3</p>		

	<p>1. Chuẩn bị 2. Quy trình kỹ thuật VI. Làm búp bê, con giống từ giấy bìa ... 1. Chuẩn bị 2. Quy trình thực hiện: Con gà, búp bê, mèo, thỏ... VII. Làm mặt nạ 1. Chuẩn bị 2. Quy trình thực hiện VIII. Làm đồ chơi chấp tranh (xếp hình) cho trẻ mầm non 1. Giới thiệu đồ chơi 2. Chuẩn bị vật liệu và dụng cụ 3. Quy trình kỹ thuật * Tự học của sinh viên: 1. Tự học, tìm hiểu và tập làm sản phẩm đồ chơi từ vật liệu giấy, bìa đơn giản cho trẻ mầm non. 2. Chuẩn bị nguyên liệu, dụng cụ làm đồ chơi từ giấy bìa.</p>				5
39 40 41 42	<p>Bài 2: Làm đồ chơi từ nguyên liệu giấy bìa (tiếp) B. Thực hành 1. Thực hành làm các sản phẩm đồ chơi từ giấy bìa (Hoa giấy; phương tiện giao thông; mũ múa; rối dẹt; con giống; mặt nạ; búp bê và các sản phẩm từ kỹ thuật gấp, đan) - Kích thước: Phù hợp với hoạt động của trẻ mầm non. - Chất liệu: Bìa, giấy màu, giấy trang kim... 2. Thực hành làm một sản phẩm đồ chơi chấp tranh (xếp hình) cho trẻ từ 11 đến 18 tháng tuổi: - Kích thước: Phù hợp với hoạt động của trẻ mầm non. - Chất liệu: Bìa, giấy màu, màu vẽ... - Mẫu tranh: Tự chọn * Tự học của sinh viên: 1. Tự học, hoàn thành sản phẩm đồ chơi chấp tranh, các sản</p>	<p>- Phương pháp sử dụng ngôn ngữ (Thuyết trình, đàm thoại, giải thích, giao nhiệm vụ,...) - Phương pháp trực quan, quan sát, thực hành ôn luyện.</p>		4	

	<p>phẩm đồ chơi từ giấy bìa (Hoa; mũ; rối dẹt; con giống; búp bê, gập, đan).</p> <p>2. Chuẩn bị: Nguyên liệu, dụng cụ làm đồ chơi từ vật liệu phế liệu (vỏ trứng, chai, lọ, thìa nhựa, hộp sữa..... kéo, dao, kéo, keo, hồ dán, dây thép,...</p>				6
43 44	<p>Bài 3: Làm đồ chơi từ các vật liệu phế liệu</p> <p>A. Lí thuyết</p> <p>I. Ý nghĩa, cách sơ chế</p> <p>II. Làm các sản phẩm đồ chơi từ vật liệu phế liệu</p> <p>1. Làm đồ chơi từ vỏ trứng</p> <p>a. Nguyên liệu - dụng cụ</p> <p>b. Cách làm</p> <p>2. Làm đồ chơi từ vỏ chai, lọ nhựa</p> <p>a. Chuẩn bị</p> <p>b. Quy trình thực hiện: (Chim, con trâu, con gà, ...)</p> <p>3. Làm đồ chơi từ các vật liệu khác</p> <p>a. Nguyên liệu - dụng cụ</p> <p>b. Cách làm: (Xúc xắc, ô tô, người, con vật....)</p> <p>* Tự học của sinh viên:</p> <p>1. Tự học, tìm hiểu và làm sản phẩm đồ chơi đơn giản từ các vật liệu là phế liệu.</p> <p>2. Chuẩn bị nguyên vật liệu: Các loại hộp nhựa có kích cỡ khác nhau, Dao dọc giấy. Súng bắn keo, giấy màu....</p>	<p>- Phương pháp sử dụng ngôn ngữ (Thuyết trình, đàm thoại, giải thích, giao nhiệm vụ,...)</p> <p>- Phương pháp hợp tác nhóm.</p> <p>- Phương pháp dạy học tích hợp.</p>	2		5
45 46 47 48	<p>Bài 3: Làm đồ chơi từ các vật liệu phế liệu (tiếp)</p> <p>B. Thực hành</p> <p>1. Sinh viên thực hành làm đồ chơi cho trẻ mầm non từ vật liệu phế liệu (chim thiên nga, con trâu, con gà, người, nhạc cụ, xúc xắc, đồ dùng gia đình...)</p> <p>- Kích thước: Tùy chọn</p> <p>- Vật liệu: vỏ trứng, vỏ chai, lọ, thìa nhựa ...</p>	<p>- Phương pháp sử dụng ngôn ngữ.</p> <p>- Phương pháp quan sát, trực quan, thực hành ôn luyện.</p>		4	

	<p>* Tự học của sinh viên:</p> <p>1. Tự học, hoàn thành các sản phẩm đồ chơi từ vật liệu phế liệu.</p> <p>2. Chuẩn bị nguyên vật liệu là giấy bìa (phế liệu) cho bài kiểm tra định kì.</p>				5
49	<p style="text-align: center;">Kiểm tra định kì</p> <p>- Kiểm tra kỹ năng tạo hình làm đồ chơi từ nguyên liệu giấy bìa hoặc phế vật liệu.</p> <p>* Tự học của sinh viên:</p> <p>1. Đọc, tìm hiểu nguyên liệu, dụng cụ và cách làm đồ chơi từ vật liệu thiên nhiên.</p>	- Phương pháp sử dụng ngôn ngữ.	1		2
50 51	<p style="text-align: center;">Bài 4: Làm đồ chơi từ các vật liệu thiên nhiên.</p> <p>A. Lí thuyết</p> <p>I. Nguyên liệu - dụng cụ</p> <p>1. Ý nghĩa</p> <p>2. Nguyên liệu - dụng cụ.</p> <p>3. Cách tạo hình</p> <p>II. Làm đồ chơi từ các vật liệu thiên nhiên</p> <p>1. Đồ chơi từ hoa, lá cây khô</p> <p>a. Chuẩn bị</p> <p>b. Cách làm</p> <p>2. Đồ chơi từ hạt, hạt</p> <p>a. Nguyên liệu - đồ dung</p> <p>b. Quy trình kỹ thuật</p> <p>3. Đồ chơi từ quả khô</p> <p>a. Nguyên liệu - dụng cụ</p> <p>b. Cách làm</p> <p>4. Đồ chơi từ các nguyên liệu thiên nhiên khác (tre, nứa, gỗ, sỏi, đá, vỏ ốc, hến, ngao sò...)</p> <p>* Tự học của sinh viên:</p>	<p>- Phương pháp sử dụng ngôn ngữ (Thuyết trình, đàm thoại, giải thích, giao nhiệm vụ,...)</p> <p>- Phương pháp hợp tác nhóm.</p> <p>- Phương pháp dạy học tích hợp.</p>	2		6

	<p>1. Tự học, tìm hiểu và làm sản phẩm đồ chơi đơn giản từ vật liệu thiên nhiên.</p> <p>2. Chuẩn bị nguyên liệu, dụng cụ làm đồ chơi từ vật liệu TN.</p>				
52 53 54	<p>Bài 4: Làm đồ chơi từ vật liệu thiên nhiên (tiếp)</p> <p>B. Thực hành</p> <p>1. Sinh viên thực hành làm đồ chơi cho trẻ mầm non từ vật liệu thiên nhiên (Bức tranh, con vật, hình người, phương tiện giao thông, đồ dùng, vật dụng...)</p> <p>- Kích thước: Tùy chọn</p> <p>- Vật liệu: Hoa, lá cây khô, quả khô, hạt gạo, sỏi đá, tre, nứa, gỗ, vỏ ốc, hến, ngao, sò....</p> <p>* Tự học của sinh viên:</p> <p>1. Tự học, hoàn thành các sản phẩm đồ chơi từ vật liệu thiên nhiên.</p> <p>2. Đọc, tìm hiểu nguyên liệu dụng cụ, quy trình làm sản phẩm đồ chơi từ vật liệu vải.</p>	<p>- Phương pháp sử dụng ngôn ngữ</p> <p>- Phương pháp quan sát, trực quan, thực hành ôn luyện.</p>	3	6	
55 56	<p>Bài 5: Làm đồ chơi từ vật liệu vải theo chủ đề</p> <p>A. Lí thuyết</p> <p>I. Nguyên liệu - dụng cụ</p> <p>1. Ý nghĩa</p> <p>2. Nguyên liệu - dụng cụ</p> <p>II. Cách làm một số sản phẩm đồ chơi từ vải</p> <p>1. Làm đồ vật từ vải</p> <p>2. Làm các con vật</p> <p>3. Làm rối tay</p> <p>* Tự học của sinh viên:</p> <p>1. Tự học, tìm hiểu và làm sản phẩm đồ chơi đơn giản cho trẻ MN từ vật liệu vải.</p> <p>2. Chuẩn bị: Nguyên liệu, dụng cụ làm đồ chơi từ vật liệu vải (vải bông, sợi, vải dạ, vải len, vải lông...kéo, keo, khuy áo,</p>	<p>- Phương pháp sử dụng ngôn ngữ (Thuyết trình, đàm thoại, giải thích, giao nhiệm vụ,...)</p> <p>- Phương pháp hợp tác nhóm.</p> <p>- Phương pháp dạy học tích hợp.</p>	2	4	

	len, kim chỉ khâu...)				
57 58 59	<p>Bài 5: Làm đồ chơi từ vật liệu vải theo chủ đề (tiếp)</p> <p>B. Thực hành</p> <p>1. Sinh viên thực hành làm đồ chơi cho trẻ mầm non từ vật liệu vải (ngôi nhà, con vật, hình người, hoa, quả, đồ dùng, vật dụng, rỗi tay...)</p> <p>2. Dự giờ tại trường/cơ sở mầm non (2 giờ)</p> <p>* Tự học của sinh viên:</p> <p>1. Tự học, hoàn thành sản phẩm đồ chơi từ vật liệu vải.</p> <p>2. Chuẩn bị các dụng cụ và nguyên vật liệu cho bài kiểm tra thường xuyên.</p>	<p>- Phương pháp sử dụng ngôn ngữ.</p> <p>- Phương pháp quan sát, trực quan, thực hành ôn luyện.</p>	3	4	
60	<p>Kiểm tra đánh giá thường xuyên:</p> <p>Nội dung: Các sản phẩm đồ chơi làm từ nguyên liệu thiên nhiên hoặc nguyên vật liệu vải.</p> <p>* Tự học của sinh viên:</p> <p>1. Ôn tập, chuẩn bị các dụng cụ và nguyên vật liệu cho bài thi học phần.</p>	<p>- Phương pháp sử dụng ngôn ngữ.</p>	1	8	
	Tổng		30	30	90

8. Tài liệu chính và tài liệu tham khảo

- Tài liệu chính:

[1]. Nguyễn Thị Tích, Nguyễn Thị Phúc Oanh, Nguyễn Quốc Tuấn (2016), Một số học phần đào tạo giáo viên trình độ Cao đẳng ngành giáo dục mầm non, NXB Giáo dục Việt Nam.

- Tài liệu tham khảo:

[2]. Phạm Thị Chính – Trần Tiểu Lâm. Giáo trình Mĩ thuật dành cho hệ cao đẳng sư phạm Mầm non, NXB Giáo dục, năm 2014.

[3]. Trần Tiểu Lâm, Phạm Thị Chính (2013), Giáo trình Mĩ thuật học, NXB Đại học Sư phạm.

[4]. Nguyễn Quốc Toàn (2010), Giáo trình Mĩ thuật tập 2 (Nặn và xé cắt dán)., NXB Đại học Sư phạm.

[5]. Phạm Mai Chi, Phùng Thị Tường (2001), Hướng dẫn làm đồ chơi cho trẻ, Nhà xuất bản Giáo dục.

[6]. Phạm Thị Việt Hà (2013), Hướng dẫn tạo hình bằng vật liệu thiên nhiên, Nhà xuất bản Giáo dục.

[7]. Phạm Thị Việt Hà (2013), Hướng dẫn tạo hình bằng vật liệu dễ tìm, Nhà xuất bản Giáo dục.

[8]. Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 13/4/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Chương trình GDMN

9. Phương thức kiểm tra – đánh giá điểm học phần

9.1. Điểm trung bình các điểm kiểm tra và điểm thi kết thúc học phần:

* Điểm trung bình các điểm kiểm tra (trọng số 0,4): Là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì theo hệ số của từng loại điểm:

- Kiểm tra thường xuyên (hệ số 1): Thời gian dưới 30 phút: 2 điểm
- Kiểm tra định kì (hệ số 2): Thời gian 50 phút: 2 điểm

* Thi kết thúc học phần (trọng số 0,6):

- Hình thức thi: Viết + Thực hành
- Thời gian: 90 phút

9.2. Điều kiện dự thi kết thúc học phần

- Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong đề cương chi tiết học phần.
- Điểm trung bình các điểm kiểm tra không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10.

9.3. Thang điểm

- Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 – 10), được làm tròn đến **một** chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ.

Bắc Ninh, ngày 30 tháng 6 năm 2023

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

(đã ký)

Nguyễn Thị Thương

TRƯỞNG BỘ MÔN

(đã ký)

Vũ Thị Loan

PHỤ LỤC I.
MA TRẬN LIÊN KẾT MÔ TẢ CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN VỚI CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON

1. Trình độ đào tạo: Cao đẳng
2. Ngành đào tạo: Giáo dục Mầm non (GDMN)
3. Mã ngành: 51140201
4. Loại hình đào tạo: Chính quy/VLVH/ Liên thông

5. Thời gian đào tạo: 3 năm
- Học phần: Mĩ thuật và Đồ chơi trẻ em
- Trưởng bộ môn (Kí, ghi rõ họ và tên): Vũ Thị Loan.

Tiêu chuẩn	Tiêu chí	Chỉ báo	Được thể hiện và mô tả trong Học phần
1. Phẩm chất	1.1. Yêu quê hương, đất nước	1.1.1	
		1.1.2	
		1.1.3	
		1.1.4	x
	1.2. Mến trẻ	1.2.1	
		1.2.2	x
		1.2.3	
	1.3. Yêu nghề	1.3.1	
		1.3.2	
		1.3.3	x
	1.4. Trung thực	1.4.1	
		1.4.2	x
		1.4.3	
	1.5. Trách nhiệm	1.5.1	
		1.5.2	
		1.5.3	x
1.5.4			

2. Năng lực chung	1.6. Tự học	1.5.5	
		1.6.1	x
		1.6.2	
		1.6.3	
	2.1. Năng lực tự chủ và thích ứng với những thay đổi	2.1.1	x
		2.1.2	
		2.1.3	
		2.1.4	
		2.1.5	
	2.2. Năng lực giao tiếp và hợp tác	2.2.1	
		2.2.2	
		2.2.3	
		2.2.4	x
		2.2.5	
		2.2.6	
		2.2.7	
2.3. Năng lực lãnh đạo	2.3.1		
	2.3.2	x	
	2.3.3		
2.4. Năng lực giải quyết vấn đề	2.4.1		
	2.4.2	x	
	2.4.3		
	2.4.4		

		2.4.5		
		2.4.6		
	2.5. Năng lực về xây dựng văn hóa nhà trường	2.5.1	x	
		2.5.2		
		2.5.3		
	2.6.Năng lực phản biện	2.6.1		
		2.6.2		
		2.6.3		
	3. Năng lực sư phạm	3.1. Năng lực lập kế hoạch dạy học và tổ chức thực hiện Chương trình Giáo dục Mầm non.	3.1.1	
			3.1.2	
3.1.3				
3.1.4				
3.1.5				
3.1.6				
3.1.7				
3.1.8				
3.1.9				
3.2. Năng lực chăm sóc và giáo dục		3.2.1		
		3.2.2		
		3.2.3		
		3.2.4		
		3.2.5	x	
		3.2.6		
		3.2.7		
3.3.Năng lực định hướng		3.3.1		
		3.3.2		
		3.3.3	x	
3.4. Năng lực hoạt động xã hội		3.4.1		
		3.4.2	x	
		3.4.3		
3.5.Năng lực phát triển nghề		3.5.1		

4 Năng lực nghề nghiệp	nghề nghiệp	3.5.2		
		3.5.3		
		3.5.4	x	
	4.1. Năng lực khoa học GDMN	4.1.1		
		4.1.2		
		4.1.3		
		4.1.4		
		4.2.Năng lực sử dụng học vấn giáo dục tổng quát và học vấn khoa học GDMN để giải thích Chương trình GDMN	4.2.1	
			4.2.2	
			4.2.3	
		4.3. Năng lực hiểu và vận dụng các kiến thức khoa học tổng quát và khóa học ngành vào thực tiễn	4.3.1	
			4.3.2	
			4.3.3	
			4.3.4	
			4.3.5	
	4.4. Năng lực nghiên cứu khoa học GDMN	4.4.1		
		4.4.2		
		4.4.3		
	4.5. Năng lực sử dụng tiếng nước ngoài trong hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ em	4.5.1		
		4.5.2		
		4.5.3		
	4.6. Năng lực sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ em	4.6.1		
		4.6.2		
		4.6.3		

PHỤ LỤC II.

**BẢNG LIÊN KẾT CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN VỚI CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
GIÁO VIÊN MẦM NON, TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG**

Mã học phần	Tên học phần	Kiến thức														Kỹ năng												Năng lực tự chủ và trách nhiệm										
		Kiến thức đại cương					Kiến thức chuyên ngành									Kỹ năng cứng						Kỹ năng mềm																
		K T Đ C 1	K T Đ C 2	K T Đ C 3	K T Đ C 4	K T Đ C 5	K T C 1	K T C 2	K T C 3	K T C 4	K T C 5	K T C 6	K T C 7	K T C 8	K T C 9	K T C 10	K N C 1	K N C 2	K N C 3	K N C 4	K N C 5	K N C 6	K N M 1	K N M 2	K N M 3	K N M 4	K N M 5	K N M 6	K N M 7	K N M 8	K N M 9	K N M 10	K N M 11	K N M 12	N L 1	N L 2	N L 3	
MT. MN .CS. 01	Mĩ thuật và Đồ chơi trẻ em						X	X	X	X					X	X	X	X	X	X	X	X	X							X			X	X	X	X	X	X

Ghi chú: Chuẩn đầu ra của học phần đáp ứng chuẩn đầu ra nào của chuẩn đầu ra chương trình đào tạo thì đánh dấu “x” tương ứng.